

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày 06 - 5 - 2022

Về việc “*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thi Thị Thanh Trúc

2. Bà Sơn Ngọc Ngoan

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu, Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham
gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thòn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu
Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ
lý số: 98/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 về việc: “*Ly hôn, tranh
chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐST-HNGĐ,
ngày 30 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1986 (vắng mặt, có đơn
xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2021 và các lời khai trong quá trình
giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2012 chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn
Thành T xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã
Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu của thời kỳ hôn
nhân chị T và anh T chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh
mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau, anh T không có trách nhiệm với

gia đình nên vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ đó, chị T và anh T ly thân hơn 06 năm nay. Chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh T.

Con chung: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Thành T có 01 người con chung tên Nguyễn Khánh N, sinh ngày 03/8/2013, hiện nay cháu N đang sống chung với chị T và phát triển bình thường về tinh thần và thể chất. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung mà không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản ghi ý kiến của cháu Nguyễn Khánh N trình bày: Khi cha mẹ cháu N ly hôn thì nguyện vọng của cháu N được sống với mẹ là Nguyễn Thị Ánh T.

Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 14/4/2022 chị Nguyễn Thị Ánh T: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh T, con chung: Chị T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa hôm nay, Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự thực hiện đúng theo các quy định tại các Điều 51, 68, 97, 70, 71, 177, 196, 203, 205, 208, 209, 210, 211, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nội dung vụ án: Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Thành T được ly hôn với nhau. Con chung: Giao con chung tên Nguyễn Khánh N, sinh ngày 03/8/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Chị Nguyễn Thị Ánh T chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Thành T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ánh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Thành T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228, 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Thành T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh là hôn nhân được pháp luật thừa nhận.

[4] Chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày thời gian đầu của thời kỳ hôn nhân của chị T và anh T chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống, anh T không có trách nhiệm lo lắng cho gia đình nên chị T và anh T ly thân hơn 06 năm nay. Tại biên bản xác minh ngày 22 tháng 02 năm 2022 cha ruột của anh Nguyễn Thành T thì việc ly thân của anh T và chị T kéo dài khoảng 06 năm nay. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân của chị T và anh T không đạt được vì chị T và anh T ly thân hơn 06 năm là thời gian khá dài nhưng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, anh T bỏ mặc chị T không chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống. Anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh T về hôn nhân giữa anh T và chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân của chị T và anh T là không đạt được, tình cảm vợ chồng là không còn yêu thương, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên cho chị T được ly hôn với anh T là có cơ sở.

[5] Con chung: Trong thời gian chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Thành T ly thân với nhau thì con chung tên Nguyễn Khánh N vẫn sống chung với chị T và phát triển tốt về tinh thần và thể chất. Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung tên Nguyễn Khánh N cho chị Nguyễn Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng là tạo điều kiện tốt cho việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Ngọc và phù hợp nguyện vọng của cháu Ngọc. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Ánh T. Cho chị Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

Con chung: Giao con chung tên Nguyễn Khánh N, sinh ngày 03/8/2013 cho chị Nguyễn Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Ánh T chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị T đã nộp theo biên lai số 0008605 ngày 07/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, chị T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của đương sự.

* *Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Thu Trang